

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	TỔNG CỘNG						645 319	239 542	405 658			
I	CẢNG CHÍNH						75 066	9 155	65 911			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						8 140	8 079	61			
1	ĐẠM NINH BÌNH	22/5	338/5	31/5	NB 8577	CÁM 4A.1	1 960	1 943	17	25/5	HỘ LỚN	
2	KDT HẢI PHÒNG	23/5	1343/5	31/5	HP 5902	CÁM 5A.1	1 450	1 420	30	25/5	PTCB	
3	KDT MIỀN BẮC	23/5	1347/5	31/5	HD 2266	CÁM 2A.1	1 930	1 930		25/5	TD	
4	CẦU ĐUỐNG	21/5	1332/5	28/5	BN 3040	CÁM 4B.1	1 700	1 700		25/5	TD	
5	KDT HÀ NỘI	25/5	1357/5	31/5	BN 0758	CỤC 4A.1	1 100	1 085	15	25/5	TD	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						5 069	1 077	3 992			
1	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1354/5	31/5	BN 3339	CÁM 5A.1	1 969		1 969		PTCB	
2	DV VT QUẢNG NINH	22/5	1290/5	29/5	BN 2518	CỤC XỎ 1C	1 600	1 077	523	RỚT DỖ	TD	GIA HẠN L1
3	KDT MIỀN BẮC	25/5	1353/5	31/5	BN 2115	CÁM 2A.1	1 500		1 500		TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						61 857		61 857			
1	ĐẠM NINH BÌNH	18/5	332/5	31/5	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045		3 045		HỘ LỚN	
2	NHÔM ĐẮK NÔNG	24/5	1351/5	31/5	THANH BÌNH 68 (BN-2358)	CÁM 5A.1	4 100		4 100		BAUXIT	
3	NHÔM ĐẮK NÔNG	24/5	1351/5	31/5	THANH BÌNH 68 (BN-2358)	CỤC 4A.2	2 400		2 400		BAUXIT	
4	KDT MIỀN BẮC	18/5	1320/5	28/5	VTA NEPTUNE	CÁM 5A.1	14 800		14 800		PTCB	
5	KDT MIỀN BẮC	18/5	1320/5	28/5	VTA NEPTUNE	CÁM 6A.1	5 200		5 200		PTCB	
6	KDT MIỀN BẮC	22/5	1335/5	31/5	VTA POSEIDON	CÁM 5A.1	15 400		15 400		PTCB	
7	KDT MIỀN BẮC	22/5	1335/5	31/5	VTA POSEIDON	CÁM 6A.1	6 100		6 100		PTCB	
8	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1355/5	31/5	BN 2012	CÁM 5A.1	1 972		1 972		PTCB	
9	TNV HẢI DƯƠNG	22/5	1289-B/5	29/5	BN 0679	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
10	VTA	20/5	1329/5	27/5	HP 6093	CỤC XỎ 1C	1 300		1 300		TD	
11	VTT	21/5	1330/5	28/5	HD 2225	CỤC XỎ 1C	940		940		TD	
12	HÀNG HẢI VN	21/5	1331/5	28/5	NB 8707	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	
13	CROMIT	22/5	1340/5	29/5	BN 1798	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
14	SXTM TUB	23/5	1346-B/5	31/5	BN 3046	CÁM 4B.1	1 500		1 500		TD	
15	DV VT QUẢNG NINH	24/5	1348/5	31/5	BN 2616	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	
	Tàu chuyên tải						284 700	74 199	164 301			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						26 200	26 199	1			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	18/5	329/5		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 5A.10	26 200	26 199	1	25/5	HỘ LỚN	TTCO: 10.200,62 - CLM: 15.998,68
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						117 650	48 000	23 450			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1	ĐIỆN VINH TÂN 1	15/5	323/5		HTK CONFIDENCE	CÁM 6A.1	27 200	19 950	7 250	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 22.000 - KVCP: 5.200
2	ĐIỆN VINH TÂN 2	19/5	327-B/5		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 550	18 450	5 100	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTC: 8.000 - CLM: 12.500 - KVCP: 3.050
3	ĐIỆN VINH TÂN 1	14/5	318/5		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700	9 600	11 100	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 16.000 - KVCP: 4.700
4	ĐIỆN VINH TÂN 1	14/5	319/5		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 200	2 352	43 848	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 25.200 - TTHG: 21.000
Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							140 850		140 850			
1	ĐIỆN VINH TÂN 2	21/5	336/5		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 500		27 500		HỘ LỚN	TTCO: 15.500 - CLM: 7.000 - KDTCP: 5.000
2	ĐIỆN VINH TÂN 1	23/5	339/5		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.000
3	ĐIỆN VŨNG ÁNG	23/5	340/5		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800		22 800		HỘ LỚN	CLM: 17.000 - KVDB: 5.800
4	ĐIỆN DUYÊN HẢI	24/5	343/5		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTCO: 15.300 - CLM: 11.000
5	ĐIỆN VINH TÂN 2	25/5	342-B/5		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250		41 250		HỘ LỚN	KDTC: 17.000 - CLM: 15.000 - KVCP: 9.250
II	KHO G9-HÓA CHẤT						29 156	8 273	20 883			
Tàu đã làm hàng							3 200	3 156	44			
1	THAN MIỀN NAM	19/5	1073/4	26/5	THANH TÙNG 01	CỤC 1B	1 200	1 178	22	26/5	TD	NGUỒN ĐN-CS
2	CROMIT THANH HÓA	19/5	1177/4	26/5	NB 8530	CỤC 1A	1 000	991	9	26/5	TD	NGUỒN ĐN-CS
3	SÔNG HỒNG	21/5	1334/5	28/5	BN 1816	CỤC 1B	1 000	987	13	26/5	TD	NGUỒN CS
Tàu dự kiến rót trong ngày							9 204	5 117	4 087			
1	COALIMEX	25/5	1359/5	31/5	QN 8730	CÁM 4A.1	5 832	2 879	2 953	RÓT DỖ	PTCB	NGUỒN CS
2	MV YANGZE 901	20/5	2 534		QN 8698	TNK ÚC	3 372	2 238	1 134	BỐC DỖ		
Tàu đã làm lệnh							16 752		16 752			
1	XNK THAN	19/5	1078/4	26/5	BN 2519	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	TRƯỜNG ANH 888	23/5	1146/4	31/5	BN 2056	CỤC 1B	1 072		1 072		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	THAN ƯƠNG BÍ	24/5	1176/4	31/5	BN 1883	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	XDCN MỎ	19/5	1179/4	26/5	BN 0719	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	CẦU ĐUÔNG	20/5	1328/5	27/5	BN 2228	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	V TRACO	25/5	1352/5	31/5	BN 0988	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1358/5	31/5	BN 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
8	CROMIT	24/5	1308/5	31/5	BN 1386	DON 8C	1 100		1 100		TD	NGUỒN HL
9	MV YANGZE 901	20/5	2 534		CỬA ỒNG 16	TNK ÚC	2 100		2 100			
10	MV YANGZE 901	22/5	2 585		CỬA ỒNG 06	TNK ÚC	2 300		2 300			
11	VTA POSEIDON	25/5	2 636		CẨM PHẢ 22	TNK LÀO	3 880		3 880			
III	KHO BẢO NGUYÊN						3 500	-	3 500			
Tàu đã làm hàng												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	ĐIÊN PHẢ LẠI	24/5	341/5	31/5	HN 1808	CÁM 5A.14	3 500		3 500		HỢ LỚN	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV	<u>KHO CẢNG KM6</u>											
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
1	KDT HÀ NỘI	25/5	1 356	31/5	BN 1879	CÁM 6B.1	1 061	1 044	17	25/5	PTCB	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	VTT	22/5	1 341	29/5	BN 0959	BÚN 3C	1 350		1 350		TD	NGUỒN QH
2	THAN MIỀN NAM	23/5	1 344	31/5	NISSI 777	CỤC 1B	1 930		1 930		TD	NGUỒN QH
V	<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>											
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
1	SINGAPORE	13/5	43/5/XK		MV HUA ZHENG HAI YANG V.26032	CỤC 5B.2	27 500	27 410	90	25/5		THAY 37/5/XK
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	NHẬT BẢN	20/5	46/5/XK		MV CLIPPER MEDWAY	CÁM 1	33 000	31 025	1 975		RÓT DỖ	
2	NHẬT BẢN	14/5	44/5/XK		MV JIN ZE	CỤC 4A.1	500		500			
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	INDONESIA	16/5	45/5/XK		MV HUAN YA 1	CỤC 5B.2	18 000		18 000			
VI	<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>											
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	ÚC		TMB		MV YANGZE 901		30 000	19 450	10 550		BỐC DỖ	TTCO: 15.000 - KVCP: 15.000
2	LÀO		TMB		VTA POSEIDON		8 000	4 807	3 193		BỐC DỖ	TTCO: 5.000 - KVCP: 3.000
3	LÀO		CLM		VIỆT THUẬN 235-02		5 000		5 000			KVCP: 5.000
4	MOZAMBIQUE		CLM		MV XIAO MAY		10 000		10 000			KVCP: 10.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN		5 000		5 000			TTCO: 5.000
2	ÚC		TMB		MV YUE DIAN 83		10 000		10 000			TTCO: 10.000
3	ÚC		CLM		AQUAGEM		10 000		10 000			KVCP: 10.000